

VỀ ĐƯỜNG HƯỚNG "sống phúc âm giữa lòng dân tộc" CỦA GIÁO HỘI CÔNG GIÁO VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ CÔNG TÁC TÔN GIÁO

TRẦN LÊ^(*)

Người Công giáo Việt Nam là một bộ phận trong cộng đồng dân tộc Việt Nam⁽¹⁾. Do đặc thù, bên cạnh hoạt động tinh thần mang tính thiêng liêng, Giáo hội Công giáo được tổ chức theo cơ cấu chặt chẽ vừa để tổ chức hoạt động tôn giáo vừa có chức năng xã hội rộng rãi, nên cộng đồng Công giáo có một vị trí khá quan trọng trong hoạt động của một xã hội, đất nước.

Giáo hội Công giáo Việt Nam được ghi nhận vào đầu thế kỉ XVI, khi Công giáo truyền vào Việt Nam. Đây là thời kì Giáo hội Công giáo ở nhiều quốc gia Châu Âu đang trải qua một cơn khủng hoảng trầm trọng. Đó là cuộc tấn công mạnh mẽ vào các tư tưởng thần học Công giáo vốn được phát triển để phục vụ cho các thế lực phong kiến không còn phù hợp với giai đoạn hình thành giai cấp tư sản Châu Âu. Từ cuộc phản chứng đó, trong Giáo hội Công giáo xuất hiện sự li khai của những người Kitô hữu thành lập Giáo hội mới: Hội thánh Tin Lành (hay Thệ Phản). Sự rời bỏ Giáo hội Công giáo Roma của những người Tin Lành là thất bại trong các nỗ lực duy trì thần quyền và sự suy giảm ảnh hưởng của Giáo hội Công giáo lúc đó. Có người cho rằng chính sự thất bại này là nguyên nhân dẫn đến thái độ cứng rắn và bảo thủ của một số người trong Giáo hội Công giáo vì họ ý thức là người có vai trò bảo vệ Hội Thánh Tông truyền.

Công cuộc truyền giáo có nhu cầu mở rộng ra các khu vực trên thế giới, trong đó có Việt Nam, vì thế, sẽ rất khó khăn nếu các giáo đoàn không dựa vào các thế lực đi xâm lấn đất đai và tự mục đích của mỗi bên, nhiều khi việc truyền đạo đã phải dựa vào phương tiện súng đạn. Với nhiều dân tộc ở Châu Á, Châu Phi, truyền giáo gắn với quá trình bị xâm lược, Công giáo được coi là tôn giáo của phương Tây, "Đạo Tây".

Ở Việt Nam, quá trình truyền giáo là một quá trình phức tạp và cho đến trước khi Miền Bắc được giải phóng (1954), đặc biệt là trước Đại thắng mùa Xuân thống nhất đất nước (1975), Giáo hội Công giáo có thể nói vẫn là một thực thể đứng ngoài vận mệnh dân tộc Việt Nam, nếu không nói là đối lập.

Từ thực tế đó, trong quá trình vận động cách mạng, thực hiện giải phóng dân tộc tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Đảng, Nhà nước ta luôn chú ý tới cộng đồng Công giáo, tập hợp người Công giáo trong Mặt trận Dân tộc thống nhất thực hiện chính sách đại đoàn kết dân

*. Nhà nghiên cứu, Hà Nội.

1. Theo thống kê của Giáo hội Công giáo Việt Nam 2001: Số giáo dân cả nước là 5.324.492 người, linh mục 2.133, đại chủng sinh 1.362, tu sĩ nam 1.524, nữ tu 9.753 trong 25 giáo phận, 1963 giáo xứ (theo *Bản tin Hiệp thông* - Hội đồng Giám mục Việt Nam số 11 - 15/2/2002).

tộc, đoàn kết tôn giáo, thông qua Hội đồng Giám mục Việt Nam và tổ chức của phong trào Công giáo yêu nước là Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam.

I - GIÁO HỘI CÔNG GIÁO VIỆT NAM VÀ ĐƯỜNG HƯỚNG "GIÁO HỘI GẮN BÓ VỚI DÂN TỘC"

Suốt thời gian dài Giáo hội Công giáo Việt Nam do các giáo sĩ nước ngoài nắm và chi phối, có lúc ủng hộ thực dân Pháp, đế quốc Mỹ mặc dù năm 1933 Việt Nam đã có giám mục đầu tiên và năm 1960 sắc chỉ thành lập hàng giáo phẩm Việt Nam đã được Tòa thánh Vatican phê chuẩn. Trong thời kỳ này, những người Công giáo yêu nước chống Pháp, những linh mục, tu sĩ giáo dân muốn đóng góp công sức của mình cho công cuộc giải phóng dân tộc khỏi ách ngoại xâm đã bị Giáo hội ngăn cấm. Linh mục Đậu Quang Lĩnh cùng tu sĩ Mai Lão Bạng từ đầu thế kỷ đã tham gia phong trào yêu nước của cụ Phan Bội Châu, tuyên truyền yêu nước trong giới trẻ Công giáo đã bị các thừa sai Pháp xúi giục thực dân Pháp bắt và đẩy đi Côn Đảo. Tại Nam Bộ, trong kháng chiến các đội "vệ binh của Chúa" được thành lập trước hết là để ngăn chặn phong trào Công giáo kháng chiến. Ở miền Bắc, những đơn vị "Tự vệ Công giáo" được lập, tự trang bị vũ khí cũng nhằm mục tiêu là người Công giáo yêu nước và được hậu thuẫn bởi một số người trong Giáo hội.

Hàng giáo phẩm Giáo hội Công giáo Việt Nam thời gian này như đứng về phía xâm lược. Linh mục Nguyễn Thế Vĩnh thuộc giáo phận Phát Diệm, người sớm giác ngộ cách mạng, theo kháng chiến, đã phải thốt lên: "Chúng tôi cảm thấy một nỗi buồn tê tái trước việc Giáo hội cơ cấu chạy theo cơ đồ của Pháp, nhưng sau khi cùng nhau nghiên cứu kỹ lưỡng

tài liệu của hàng giáo phẩm, chúng tôi tuyên bố rằng, hàng giáo phẩm đã tỏ rõ một lập trường chính trị hơn là tôn giáo, rằng lập trường đó đi ngược lại điều răn của Chúa dạy phải yêu mến Tổ quốc - điều răn thứ tư và cũng làm thiệt hại cho chính Giáo hội Việt Nam, lẽ ra phải đoàn kết cùng toàn dân Việt Nam để giải phóng đất nước khỏi ách nô lệ"⁽²⁾.

Một giáo hội cơ cấu chạy theo cơ đồ của Pháp đã để lại kinh nghiệm đau buồn cho người Công giáo Việt Nam yêu nước. Chỉ từ khi đất nước thống nhất, non sông thu về một mối, giáo hội cơ cấu ấy mới có cơ hội nhìn lại mình: "Trước hết, chúng ta phải không ngừng hoán cải lương tâm và thay đổi cách sống của mỗi cá nhân cũng như của mỗi cộng đoàn dân Chúa trong Hội thánh ở Việt Nam sao cho phù hợp với Phúc Âm hơn"⁽³⁾.

Có thể nói rằng với chiến thắng lịch sử 30 - 4 - 1975 của dân tộc Việt Nam, Giáo hội Công giáo Việt Nam cũng bước vào khúc ngoặt cả về mặt tổ chức giáo hội lẫn tư duy định hướng các hoạt động mục vụ và xã hội của mình. Cùng với sự thống nhất đất nước, Giáo hội Việt Nam cũng được thống nhất và đất nước được giải phóng đã tạo điều kiện cho Giáo hội Công giáo Việt Nam tự giải phóng mình khỏi những truyền thống không phù hợp với Phúc Âm để chọn lựa đường hướng mục vụ "Giáo hội gắn bó với Dân tộc". Đường hướng Giáo hội gắn bó với Dân tộc được thể hiện trong *Thư chung Đại hội giám mục Việt Nam năm 1980*. Để thấy hết ý nghĩa việc đề ra đường hướng mục vụ mới của Hội đồng Giám mục Việt Nam năm 1980, hãy trở lại một số nét về Giáo hội

2. Linh mục Trần Tam Tỉnh. *Thiên Chúa và Hoàng đế*, tr. 94.

3. Thư chung HĐGMVN 1980 - 8. 4.

trước thời điểm bước ngoặt này.

Giáo hội Công giáo Việt Nam trước *Thư chung 1980* được coi là không mấy "tương thích" với các chế độ qua các thời đại ở Việt Nam. Tuy vậy mức độ có khác nhau ở các thời kì mà nguyên nhân chủ yếu là do tương quan chính trị xã hội, khi phong trào cách mạng phát triển và giành được những thắng lợi quan trọng, quan điểm của Giáo hội Công giáo cũng chuyển biến theo, từ chống đối đến suy tư và trăn trở, có thể nhận thấy những biểu hiện này qua nội dung *Thư chung* hội nghị giám mục Việt Nam các thời kì.

Thời kì chống đối cách mạng nổi bật từ Thư chung 1951. Đây là *Thư chung* với lời lẽ thù địch chế độ Cộng sản: "Vì tình thần trách nhiệm quan trọng trước Thiên Chúa, vì mối tình tha thiết yêu quý anh em, chúng tôi thấy mình có nhiệm vụ quan hệ phải loan báo cho anh em biết đề phòng nạn Cộng sản vô thần duy vật, một nguy cơ trầm trọng nhất hiện nay. Chủ nghĩa Cộng sản bác bỏ Thiên Chúa, bác bỏ mọi tôn giáo, bác bỏ thuyết linh hồn hằng sống, bác bỏ cả quyền lợi của con người và gia đình. Chủ nghĩa Cộng sản xung khắc tuyệt đối với Công giáo đến nỗi Đức Thánh Cha (Giáo hoàng Piô XI) đã tuyên bố: Không bao giờ vừa có thể theo Cộng sản vừa theo Công giáo được và người Công giáo nào gia nhập Đảng Cộng sản thì lập tức bị khai trừ khỏi Giáo hội, chẳng những không được gia nhập Đảng Cộng sản, mà anh em không được cộng tác bất kì dưới hình thức nào có thể giúp họ nắm chính quyền"⁽⁴⁾.

Thư chung 1951 tạo không khí rất căng thẳng khi cuộc kháng chiến chống Pháp của Việt Nam đi vào cao trào. Kẻ xấu lợi dụng nội dung *Thư chung* vận động người Công giáo rời bỏ kháng chiến.

Những người Công giáo yêu nước bị đe dọa, cô lập.

Thư chung các Giám mục Việt Nam vào các năm 1952 - 1953 tiếp tục nhắc nhở thực hiện nội dung *Thư chung 1951* của Giáo hội Công giáo.

Chín năm sau, lúc miền Bắc đã hoàn toàn giải phóng, ngày 2.3.1960, tại Miền Nam, vùng đất dưới ách chế độ độc tài Ngô Đình Diệm thân Mỹ, các giám mục miền Nam đã họp hội nghị và ra *Thư chung 1960* cũng với lời lẽ thù địch chế độ Cộng sản bằng cả thái độ thực tế và con đường thiêng liêng: "Mục đích của bức *Thư chung* này là giúp anh em có một tài liệu nghiên cứu học hỏi trong mùa Chay (1960), để anh em nhìn thấy rõ hiểm họa của Cộng sản, để anh em thấu hiểu nó nguy hại và nham hiểm đến mức nào trong việc tiêu diệt đức tin của chúng ta"... "Muốn cho đạo thánh được nguyên vẹn, người Công giáo phải phủ nhận lí thuyết Cộng sản và những áp dụng của nó đến tận cùng". *Thư chung* này cũng trích dẫn một số nội dung và khẳng định tinh thần *Thư chung 1951*⁽⁵⁾.

Sau khi chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ, các *Thư chung* và Thông cáo của các giám mục miền Nam sau này từ 1964 đến 1974 đã không còn biểu hiện những lời lẽ cứng rắn, lên án chủ nghĩa Cộng sản như trước đây cũng như không còn thấy trích hoặc nêu tinh thần bức *Thư chung năm 1951*.

4. *Lettre Commune Desordinares Reuris a Hanoi*, 9-11-1951, bản tiếng Pháp. *Thư chung* này được thông qua tại Hội nghị Giám mục 1951 do khâm sứ J. Dooley chủ trì với sự có mặt của 10 giám mục (có 5 người nước ngoài) cùng hai đại biểu là nhiếp chính toà giám mục Hải Phòng, Kon Tum và linh mục tổng quản Thái Bình đều là người nước ngoài. Tài liệu lưu trữ UBLLCGTQ.

5. Trần Anh Dũng (Chủ biên). *Hàng giáo phẩm Việt Nam 1960-1965*, trang 126- Nguyệt san *Công giáo và Dân tộc*, 5 - 2000.

Thư luân lưu năm 1964 viết: "Là người Việt Nam sống giữa những người Việt Nam, người Công giáo nhìn nhận hết mọi đồng bào, bất cứ họ là thế nào, như là anh em ruột thịt". Có thể trong số mọi đồng bào mà bức thư nêu ra chưa bao gồm những người Cộng sản vì bức thư vẫn tỏ ra lo sợ người Công giáo nghe theo tuyên truyền của Cộng sản vô thần nhưng lời lẽ trong *Thư luân lưu* đã mềm mại hơn. Tuyên ngôn của Giáo hội ngày 10 - 1 - 1974 đã đề cập đến tình hình cuộc chiến tại miền Nam sau Hiệp định Paris và hướng tới chính quyền Miền Bắc với những đề nghị tự do tôn giáo được thực thi, đặc biệt đối với Giáo hội Công giáo⁽⁶⁾.

Lược lại nội dung một số tài liệu của Giáo hội Công giáo để nói rằng Giáo hội Công giáo đã thích nghi dần với những diễn biến tình hình chính trị, xã hội, đất nước. Điều đó rõ ràng hơn trong *Thông cáo chung năm 1975* và *Thư chung năm 1976* của các giám mục Miền Nam. Trong hai tài liệu này, các giám mục Miền Nam cho rằng đã đến lúc Giáo hội phải cho thấy có sứ mạng và khả năng đi vào các thực tại trần thế như "men trong bột", đem niềm tin của mình phục vụ cho dân giàu, nước mạnh. *Thư chung năm 1976* còn nêu đường hướng mục vụ thích hợp của Giáo hội lúc này là mọi thành phần dân Chúa phải tích cực sống đạo bằng cách dấn thân và phục vụ giữa lòng dân tộc vì cộng đồng Kitô hữu Việt Nam không thể đứng ngoài những thay đổi diễn ra trong lòng dân tộc. Đặc biệt trong *Thư chung* này, các giám mục đã dần dần công khai nêu ra một vấn đề nan giải là: Làm sao chấp nhận chủ nghĩa xã hội trên cơ sở duy vật vô thần? Đức tin Kitô giáo và chủ nghĩa Mác - Lênin có điểm khác nhau cơ bản. Tuy nhiên không vì thế mà không thể đối thoại và cộng tác chân

thành giữa những ai cùng phục vụ con người trong sứ mạng cá nhân và xã hội. Các giám mục kết luận: "Đức tin không phải là bức tường ngăn cách giữa có tín ngưỡng và không tín ngưỡng, cũng không phải là thuốc mê đưa người Công giáo ra khỏi thực tại trần gian. Trái lại đức tin đưa chúng ta đến với con người và giúp chúng ta đánh giá đúng mức những thực tại trần gian"⁽⁷⁾.

Những tư tưởng nêu trên làm cơ sở cho việc ra đời *Thư chung năm 1980* với sự chọn lựa phù hợp đường hướng mục vụ của Giáo hội Công giáo Việt Nam trong thời kì đất nước thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội.

Cũng phải nêu ra đây ảnh hưởng của sự thay đổi quan điểm giáo huấn xã hội của Công đồng Vatican II đối với những chuyển biến tư tưởng của Giáo hội Công giáo Việt Nam. Sau chiến tranh thế giới thứ II, thế giới đã thay đổi và Giáo hội Công giáo cũng tự thấy phải được đổi mới, nhất là trong mối quan hệ với thế giới. Vấn đề lớn này được thể hiện trong văn kiện của Công đồng "*Hiến chế mục vụ về giáo hội trong thế giới ngày nay*" được thông qua ngày 7 - 12 - 1965. Trong văn kiện này, Giáo hội Công giáo khẳng định Giáo hội có liên quan mật thiết với toàn thể gia đình các dân tộc. Đối với thuyết vô thần, thay vì tiếp tục lên án, Vatican đặt vấn đề thuyết vô thần là một trong những sự kiện quan trọng nhất của thời đại này và phải được nghiên cứu một cách kĩ càng hơn⁽⁸⁾.

Về vai trò của Giáo hội trong thế giới, Công đồng Vatican II xác định "Giáo hội đồng tiến với toàn thể nhân loại và cùng

6. Sđd, tr. 172.

7. Sđd, tr. 256.

8. Công đồng Vatican II. *Giáo hội trong thế giới ngày nay*. Nxb. Tp. Hồ Chí Minh 1995, tr. 232, 259.

chia sẻ một số phận trần thế với thế giới"; "Nói đến bốn phận công dân, cần phải nhắc tới nghĩa vụ phải đóng góp cho quốc gia những dịch vụ về tài lực cũng như nhân lực mà công ích đòi hỏi, tất cả mọi Kitô hữu phải ý thức về sứ mệnh đặc biệt của mình trong cộng đoàn chính trị. Họ phải nêu gương sáng bằng cách phát biểu ý thức trách nhiệm của mình và tận tâm phục vụ công ích"⁽⁹⁾.

Đối với cộng đoàn chính trị và công quyền, Giáo hội Công giáo thừa nhận được xây dựng trên nền tảng bản tính con người, nên cũng nằm trong trật tự do Thiên Chúa an bài và việc hành xử quyền bính chính trị trong trật tự luân lý, đem lại kết quả và mưu cầu công ích thì mọi công dân phải theo lương tâm mà tuân phục.

Tuy nhiên, Công đồng Vatican II coi tập đoàn chính trị và giáo hội là hai thực thể độc lập và mỗi bên thực thi lĩnh vực riêng của mình. "Vì lý do chức vụ và thẩm quyền của mình Giáo hội không cách nào bị đồng hoá với một cộng đoàn chính trị và cũng không cấu kết với bất cứ hệ thống chính trị nào"⁽¹⁰⁾. Giáo hội Công giáo tự coi là một thực thể chi phối toàn diện đời sống tinh thần của xã hội tồn tại song song với thể chế chính trị xã hội để tác động chi phối định hướng tương lai con người. Đối với các giáo hội địa phương, các giám mục cũng ý thức vấn đề này để xác lập vị trí của mình.

II- MỘT SỐ QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ CÔNG TÁC TÔN GIÁO VÀ PHONG TRÀO CÔNG GIÁO YÊU NƯỚC VIỆT NAM

Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi ra đời đã chú ý tới vấn đề tôn giáo và vận động quần chúng tôn giáo, đặc biệt là quần chúng theo Công giáo, tham gia cách mạng giải phóng dân tộc. Chỉ thị của Thường vụ TW về vấn đề thành lập phản

đế đồng minh ngày 18 - 11 - 1930 viết: "Bảo đảm tự do tín ngưỡng của quần chúng; đập tan luận điệu phản tuyên truyền Cộng sản là vô chính phủ, vô gia đình, vô tôn giáo". Nghị quyết chính trị của Đại hội Đại biểu lần thứ nhất của Đảng Cộng sản Đông Dương (3 - 1935), phần Nghị quyết về công tác phản đế liên minh ghi thái độ của Đảng Cộng sản: "Không phân biệt chủng tộc, nam nữ, tôn giáo, xu hướng chính trị, đảng phái, hễ ai có tính chất phản đế là có thể kéo vào mặt trận phản đế". Điều này cũng được thể hiện trong Điều lệ của Đông Dương phản đế Liên minh. Tháng 10 - 1936, trong một tài liệu giải thích sự cần thiết phải lập mặt trận nhân dân thống nhất đấu tranh phản đế, Đảng Cộng sản Đông Dương nhấn mạnh "nhiệm vụ lập mặt trận nhân dân phản đế rộng rãi bao gồm các giai cấp, các đảng phái, các đoàn thể chính trị và tín ngưỡng tôn giáo khác nhau, các dân tộc ở xứ Đông Dương để cùng nhau đấu tranh để đòi điều dân chủ đơn sơ: tự do hội hiệp, tổ chức, tự do ngôn luận xuất bản...". Ngày 15 - 8 - 1945, Hội nghị toàn quốc Đảng Cộng sản Đông Dương đã thông qua Nghị quyết tiến hành cách mạng giành chính quyền, tập trung tất cả lực lượng vào công việc chính này, nêu rõ tiếp tục "vận động đồng bào theo đạo: - Mở rộng Việt Nam Công giáo cứu quốc hội. Cần cảm hoá quần chúng các hội Phật Thầy và Cao Đài"⁽¹¹⁾.

Từ sau Cách mạng Tháng Tám 1945, Đảng Cộng sản Đông Dương đã tiếp tục chỉ đạo Cách mạng Việt Nam trong hoàn cảnh mới. Trong chỉ thị kháng chiến, kiến quốc, Ban chấp hành Trung ương Đảng

9. Sdd, tr. 232, 259.

10. Sdd, tr. 322.

11. Văn kiện Đảng về vấn đề Mặt trận dân tộc thống nhất (từ 1930 - 1970). Nxb. Sự Thật 1971, tr. 25.

chỉ thị: "Chiến thuật của ta lúc này là lập mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp xâm lược, mở rộng Việt Minh cho nó bao gồm mọi tầng lớp nhân dân (chú trọng kéo địa chủ, phong kiến, đồng bào Công giáo...)... Tổ chức thêm những đoàn thể cứu quốc mới vào mặt trận Việt Minh (ví dụ Việt Nam Công giáo Cứu quốc hội và Việt Nam Công giáo Cứu quốc đoàn...)"⁽¹²⁾.

Nhờ chủ trương trên, các tổ chức Công giáo Cứu quốc được thành lập ở nhiều nơi và đã tham gia cướp chính quyền. Giám mục Lê Hữu Từ, Giám mục Phát Diệm năm 1945 được Hồ Chủ tịch mời làm cố vấn Chính phủ. Tuy nhiên, một số nhóm thanh niên Công giáo cứu quốc ở vùng Kim Sơn, Nam Định đã bị lợi dụng, không giữ được định hướng tôn chỉ khi thành lập⁽¹³⁾.

Người Công giáo Việt Nam trong đó có nhiều linh mục, tu sĩ tỏ ra hết sức phấn khởi sau Cách mạng Tháng Tám 1945. Nhưng thực dân Pháp đã trở lại xâm lược nước ta và cuộc kháng chiến trường kỳ của nhân dân ta được thực hiện theo lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch. Khi nhân dân cả nước bước vào cuộc kháng chiến cũng là lúc Liên đoàn Công giáo kháng chiến Nam Bộ và các Ủy ban Liên lạc Công giáo kháng chiến ở Bắc Bộ được thành lập tham gia chống Pháp.

Ở Nam Bộ, nhờ hoả lực mạnh, Pháp đã đánh chiếm được các đô thị và trục giao thông. Tổ chức Công giáo kháng chiến Nam Bộ cùng các tổ chức kháng chiến khác rút vào bưng biển tổ chức đánh du kích chống Pháp. Các tổ chức Công giáo kháng chiến phối hợp chặt chẽ với Ủy ban kháng chiến Nam Bộ và có nơi có đại diện trong Ủy ban kháng chiến. Về mặt lực lượng, các thành viên Công giáo kháng

chiến được tổ chức, trang bị vũ khí chống Pháp và được đông đảo đồng bào trong đó có đồng bào Công giáo cổ vũ, cứu mang. Về mặt thiêng liêng, người Công giáo tham gia tổ chức được các linh mục như Nguyễn Bá Luật, Lê Đình Hiền, Hồ Thành Biên, Võ Thành Trinh, Lương Minh Ký... là những linh mục yêu nước giúp đỡ.

Trong bưng biển, người Công giáo kháng chiến chịu nhiều khổ cực, thiếu thốn về vật chất, nhưng điều đáng nói là họ còn bị Giáo hội coi là phản bội Tin Mừng. Giặc Pháp cho máy bay rải truyền đơn có in hình Giáo hoàng Piô XII, hình Khâm sứ Dooley ngồi giữa vợ chồng tướng Đờ Lat cùng những lời lẽ kết án Cộng sản, đe dọa ra vạ tuyệt thông những người ủng hộ tham gia phong trào do Cộng sản tổ chức... Dù khó khăn, phong trào Công giáo kháng chiến vẫn ngoan cường chống Pháp. Khi hiệp định Giơnevơ được kí kết, một số linh mục và khoảng 500 người Công giáo trong phong trào lên đường tập kết ra Bắc. Số còn lại tiếp tục tổ chức chống Mỹ sau này⁽¹⁴⁾.

Ở Bắc Bộ, người Công giáo cũng tổ chức chống Pháp, tham gia trong Ủy ban Liên lạc Công giáo kháng chiến khu III, khu Tả ngạn, khu IV, khu Việt Bắc. Linh mục Phạm Bá Trực, sau khi học lấy bằng

12. Sdd, tr. 142.

13. Tài liệu lưu trữ Ủy ban Liên lạc Công giáo Toàn quốc: "Báo cáo của linh mục Hoàng Quỳnh tại hội nghị tổ chức Công giáo Phát Diệm ngày 5, 6 - 11 - 1945: Thanh niên Công giáo cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh ở Phát Diệm, Nam Định sau này đã có liên lạc với linh mục Hoàng Quỳnh. Lúc đầu, khi nghe tin Thanh niên Công giáo tham gia đoàn thể cứu quốc, Khâm sứ Tòa thánh tại Việt Nam Dropier, không đồng ý. Nhưng sau biết các nhóm thanh niên này được linh mục Hoàng Quỳnh hướng dẫn tổ chức không phải để đánh Tây, nên vui lòng và còn ủng hộ tài chính.

14. Linh mục Trần Tam Tĩnh. *Thiên Chúa và Hoàng đế*. Tr. 94.

tiến sĩ triết học, thần học tại Roma trở về nước tham gia chống Pháp, được bầu làm đại biểu Quốc hội khoá I, là Uỷ viên Ban thường trực của Quốc hội và lên chiến khu tham gia kháng chiến. Các linh mục Vũ Xuân Kỳ, Nguyễn Thế Vĩnh, Phạm Quang Phước, và nhiều người khác tham gia kháng chiến, bảo vệ cách mạng. Nhiều linh mục trong số này đã phải chịu hình phạt của Giáo hội. Luật sư Dương Văn Đàm, một luật gia Công giáo tham gia phong trào đã viết: "Phải thú thật rằng những giáo sĩ chọn con đường kháng chiến vì nền độc lập tự do của dân tộc đã chứng tỏ một tinh thần hi sinh, dũng cảm đáng ca ngợi. Họ đã ra đi kháng chiến chẳng phải để được một vị trí nào trong xã hội hay được tiền bạc gì, chẳng qua là họ tìm đứng về phía nhân dân bằng việc làm cụ thể, sống đức tin và rao giảng đức tin không chỉ trên toà giảng, ở giữa tiếng hát và chuông reo, nhưng là trên con đường cách mạng để thực hiện *thần học xã thân*"⁽¹⁵⁾.

Trong khi Giáo hội Công giáo Việt Nam với hàng giáo phẩm có một bộ phận theo đuổi lập trường chống cách mạng thì vẫn có những linh mục, tu sĩ và đại bộ phận giáo dân lựa chọn con đường yêu nước ủng hộ kháng chiến. Đảng ta nhận rõ vai trò của lực lượng quần chúng này và chủ trương đưa họ tham gia kháng chiến. Nghị quyết Hội nghị Trung ương mở rộng tháng 1 - 1948 nêu rõ phải tẩy trừ khuynh hướng hẹp hòi của các đồng chí, của cán bộ Hội hay cán bộ Việt Minh, nhất là thái độ đối với phú hào, nhân sĩ trí thức như không chịu chia trách nhiệm kháng chiến và giao quyền hạn cho họ, hoặc có chia việc, chia quyền nhưng chỉ là hình thức bề ngoài để đối phó cho qua chuyện, "không biết kêu gọi giúp đỡ các cha cố yêu nước thành lập đoàn thể; có

thành kiến đối với đồng bào Công giáo". Trung ương cũng chỉ ra: "Hiện nay Pháp đang ra sức vận động đồng bào Công giáo rời bỏ hàng ngũ kháng chiến và lôi kéo quốc dân thiểu số chống chính phủ. Ta phải đặc biệt chú ý vận động tôn giáo và thiểu số. Tìm hết cách chỉ cho họ thấy: Chế độ cộng hoà dân chủ mang lại tự do, hạnh phúc thật cho họ và kháng chiến có lợi cho họ cũng như toàn dân". Về hình thức tổ chức đoàn thể tôn giáo từ "tổ chức thấp như Hội cầu nguyện cho các chiến sĩ, Hội cầu nguyện cho nước nhà độc lập... Cải thiện đời sống đồng bào có đạo, kéo họ khỏi ảnh hưởng chính trị của bọn đội lốt tôn giáo làm bậy". Về tuyên truyền "Nên dựa vào những điều dạy trong Thánh Kinh mà cổ động nhiệm vụ yêu nước"⁽¹⁶⁾.

Từ chủ trương đúng đắn và có tầm chiếm lược quan trọng của Hội nghị Trung ương tháng 1 - 1948, nhiều tổ chức Công giáo yêu nước được củng cố cùng quá trình củng cố Việt Minh và Liên Việt trong mặt trận dân tộc thống nhất. Cũng từ chủ trương này, những người Công giáo yêu nước mong muốn có một tổ chức Công giáo kháng chiến ảnh hưởng trong phạm vi cả nước.

Ước nguyện trên chính thức được đưa ra lần đầu tại Hội nghị tôn giáo toàn quốc tháng 8 - 1953 tại chiến khu Việt Bắc⁽¹⁷⁾. Sau đó là thời kỳ vận động thành lập tổ chức mà hạt nhân là những tổ chức Công giáo kháng chiến Nam Bộ, những tổ chức

15. Báo *Chính nghĩa* ngày 21 - 3 - 1974.

16. Văn kiện Đảng về Mặt trận dân tộc thống nhất. Sđd, tr. 158, 159.

17. Từ ngày 1 đến 10 - 8 - 1953, tại chiến khu Việt Bắc diễn ra Hội nghị tôn giáo toàn quốc quy tụ 146 đại biểu gồm các giáo sĩ, tín đồ các tôn giáo Công giáo, Phật giáo, Cao Đài, Tin Lành để nghiên cứu thảo luận chính sách tôn giáo của Chính phủ (theo tài liệu lưu trữ Ủy ban Liên lạc Công giáo toàn quốc).

Công giáo kháng chiến Bắc Bộ, các linh mục, giáo dân trong các phong trào Công giáo kháng chiến Trung Bộ.

Đầu năm 1955, với sự giúp đỡ của Ủy ban Liên Việt toàn quốc, việc chuẩn bị hội nghị Công giáo toàn quốc thành lập Ủy ban liên lạc toàn quốc những người Công giáo yêu Tổ quốc, yêu hoà bình đã được tiến hành khẩn trương. Tình hình cụ thể lúc đó được thể hiện trong nhận định của Mặt trận Liên Việt: "Đế quốc Mỹ, những phần tử thực dân Pháp phá hoại hiệp định đình chiến cùng bè lũ tay sai Ngô Đình Diệm đang ra sức câu kết với bọn phản động đội lốt tôn giáo, nhằm phá hoại hoà bình và phá hoại thống nhất nước nhà.

Trong tám năm kháng chiến, kinh nghiệm cho thấy rằng: Nhiều đồng bào Công giáo yêu nước được chú trọng giúp đỡ có một tổ chức để hoạt động thì đóng góp được rất nhiều thành tích vào công cuộc kháng chiến của dân tộc (như Ủy ban Liên lạc Công giáo kháng chiến khu Ba, khu Tả Ngạn)".

"Hiện nay đa số các linh mục và giáo dân tiến bộ ở cả Miền Nam và Miền Bắc đều thiết tha mong muốn có một tổ chức Công giáo toàn quốc, để chống lại mưu mô của địch lợi dụng Công giáo và hướng dẫn giáo dân đi theo con đường chính nghĩa: Phụng sự Thiên chúa và Tổ quốc".

"Căn cứ vào những điểm trên, Mặt trận quyết định vận động những người Công giáo tiến bộ, giúp thành lập Ủy ban toàn quốc những người Công giáo yêu Tổ quốc, yêu hoà bình. Ủy ban này là tổ chức quần chúng của Công giáo có tính chất rộng rãi, thành viên Mặt trận, nhằm mục đích:

- Đấu tranh vạch trần mưu mô của địch lợi dụng tôn giáo.

- Đẩy mạnh việc tranh thủ rộng rãi các giáo sĩ và giáo dân.

- Làm cơ sở vững chắc cho những người tiến bộ yêu nước trong Công giáo hoạt động mạnh mẽ hơn nữa để gây một phong trào đấu tranh chống cường ép giáo dân di cư vào Nam và cùng đồng bào toàn quốc tham gia đấu tranh chính trị để củng cố hoà bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ"⁽¹⁸⁾.

Thực hiện chủ trương này Hội nghị Công giáo toàn quốc đã được tổ chức từ ngày 8 đến 11 tháng 3 năm 1955. Hội nghị có quy mô như một Đại hội, thành lập ra Ủy ban Liên lạc toàn quốc những người Công giáo yêu tổ quốc, yêu hoà bình, tiền thân của Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam ngày nay⁽¹⁹⁾.

Hội nghị kết thúc thắng lợi, nhiều linh mục giáo dân trong các giáo phận gửi thư chúc mừng nhưng Giáo hội Công giáo tỏ ra không tán thành. Ngày 7 - 5 - 1955, Hồng y P. Fumasoni Biondi Tổng trưởng Bộ truyền giáo đã gửi thư đề số 1810/55 đến các giám mục, linh mục, giáo dân Việt Nam phê

18. Tài liệu lưu trữ Ủy ban Liên lạc Công giáo toàn quốc.

19. Hội nghị Công giáo toàn quốc quy tụ 191 đại biểu ba miền Bắc Trung Nam gồm 46 linh mục 8 tu sĩ 137 giáo dân (là nhân sĩ, trí thức tiêu biểu). Cụ Tôn Đức Thắng, Chủ tịch Ủy ban Liên Việt Toàn quốc, Cụ Phan Kế Toại, Bộ trưởng Nội vụ thay mặt Chính phủ và đại diện các cơ quan, đoàn thể Trung ương tới dự. Hội nghị quyết định thành lập Ủy ban Liên lạc toàn quốc những người Công giáo yêu tổ quốc, yêu hoà bình do Linh mục Vũ Xuân Kỳ làm chủ tịch. Sau khi đất nước thống nhất, Ủy ban đã hiệp thương cùng một số tổ chức Công giáo Nam Bộ tổ chức Đại hội toàn quốc tháng 11 - 1983 thành lập Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam do Linh mục Nguyễn Thế Vĩnh làm chủ tịch. Năm 1997, Đại hội Đại biểu những người Công giáo Việt Nam xây dựng và bảo vệ Tổ quốc lần thứ 3 được tổ chức và cử ra Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam nhiệm kỳ III do Linh mục Vương Đình Ái làm chủ tịch. Hiện nay 34 tỉnh, thành phố đã thành lập UBĐK Công giáo.

phán các linh mục yêu nước: "Thánh Bộ truyền giáo không thể dẫu anh em nổi lo buồn thánh bộ đã cảm thấy tận đáy lòng khi nghe tin có mấy linh mục nhằm vì lòng ngay, hay nhằm vì theo những học thuyết mới và sai lạc, họ đã hợp nhau một cách "vượt quyền và ngoài ý các giám mục" làm thành một hội nghị gọi là hội nghị hoà bình. Như thế, họ đã tự đặt mình làm những người cổ động và bảo vệ một phong trào đầy nguy hiểm cho sự hợp nhất giáo hội ở Đông Dương". Thánh Bộ truyền giáo răn đe: "Vậy nếu thiếu tinh thần kỉ luật, hay thiếu sót trong sự vâng lời các giám mục thì mối dây hợp nhất sẽ giãn ra và sẽ đứt. Mà nhánh nho đã lìa khỏi gốc cây sẽ khô héo và không thể sinh hoa quả về sự rỗi linh hồn được"⁽²⁰⁾.

Trước đó, ngay khi đang diễn ra Hội nghị Công giáo toàn quốc, ngày 11 - 3 - 1955, Khâm sứ J.Dooley đã gửi văn thư số 1024 - 89 tới các giáo phận ở Việt Nam thông báo có hội nghị này và khẳng định: "Theo nhiều tin nhận được từ nguồn đáng tin cậy, tôi (J.Dooley) có bốn phận cho các đáng bậc trong Giáo hội hay rằng những hoạt động ấy đều thi hành ngoài hệ thống Giáo hội, không được phép của đáng bản quyền... Các linh mục có trách nhiệm trong các hoạt động ấy ở trong hoàn cảnh không hợp lệ... Tôi hết lòng cầu nguyện Đức Mẹ hằng cứu vớt người Công giáo Việt Nam"⁽²¹⁾.

Tiếp sau ý kiến của Bộ truyền giáo Vatican và Khâm sứ Tòa thánh Vatican ở Việt Nam, các giám mục giáo phận có thư yêu cầu các linh mục, giáo dân ở địa phận mình tham dự Hội nghị Công giáo toàn quốc phải từ bỏ hoạt động. Một số giáo phận còn trích văn bản giáo luật Công giáo Roma cùng giáo huấn của Giáo

hoàng để liên hệ, phê phán Ủy ban Liên lạc Công giáo toàn quốc.

Gần 50 năm hoạt động Ủy ban Liên lạc toàn quốc những người Công giáo yêu Tổ quốc yêu hoà bình và Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam hiện nay vững vàng vượt qua các trở ngại bằng chính những nhận thức đúng đắn trách nhiệm công dân, bằng tinh thần yêu nước đã đưa phong trào Công giáo phát triển, đóng góp thành tích to lớn vào sự nghiệp giải phóng dân tộc trước đây và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay.

Kinh nghiệm rút ra trong việc vận động giáo sĩ, giáo dân tham gia các hoạt động yêu nước, đóng góp cho cách mạng nửa thế kỉ qua là việc xây dựng tổ chức Công giáo yêu nước, cụ thể là việc thành lập các tổ chức Công giáo kháng chiến trước đây, Ủy ban Liên lạc Công giáo và ngày nay là Ủy ban Đoàn kết Công giáo. Người Công giáo, kể cả giáo sĩ, giáo dân có những vấn đề rất riêng, đặc thù trong các quan hệ Giáo hội và xã hội cần có một tổ chức làm chỗ dựa để thông qua đó mọi người Công giáo tham gia một cách thiết thực hơn, đóng góp vào nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tổ chức Công giáo yêu nước ra đời đã tạo điều kiện cho những người Công giáo, nhất là giáo sĩ, tu sĩ có tinh thần dân tộc được khích lệ thể hiện lòng yêu nước của mình. Những giáo sĩ tham gia tổ chức vẫn tuyên bố trung thành với Hội thánh nhưng cũng phải tham gia chu toàn bốn phận công dân, thực hiện nhiệm vụ đối với đất nước, điều mà sau này Hội đồng Giám mục Việt Nam đã xác nhận: "Chúng tôi biết ơn công lao của vô vàn tín

20. Tài liệu lưu trữ Ủy ban Liên lạc Công giáo toàn quốc.

21. Tài liệu lưu trữ Ủy ban Liên lạc Công giáo toàn quốc.

hữu đã làm sáng tỏ đức tin và lòng yêu nước của mình" (*Thư chung Hội đồng Giám mục Việt Nam 1980*, số 15).

Thông qua hoạt động Ủy ban, nhiều vị linh mục đã dùng ảnh hưởng của mình thuyết phục nhiều người tham gia hoạt động yêu nước. Chính những hoạt động hiệu quả, xử lý khéo léo các mối quan hệ mà tổ chức Công giáo yêu nước đứng vững suốt thời gian qua mặc dù cũng gặp một số khó khăn hạn chế tới kết quả đóng góp của phong trào Công giáo vào sự nghiệp chung. Vấn đề này cần phải được tổng kết, rút kinh nghiệm.

III. MỘT SỐ SUY NGHĨ VỀ VẤN ĐỀ CÔNG TÁC TÔN GIÁO TRONG TÌNH HÌNH HIỆN NAY

Cho đến hôm nay, những quan điểm, đường lối công tác tôn giáo của Đảng Cộng sản Việt Nam để ra từ khi Đảng mới thành lập vẫn còn mang tính thời sự. Đường lối đó đã làm chuyển biến Giáo hội hướng về mục tiêu Cách mạng Việt Nam là xây dựng đất nước "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh". Quá trình tư tưởng này thể hiện sự đúng đắn của đường lối, quan điểm chỉ đạo công tác tôn giáo của Đảng. Tuy nhiên, trong tổ chức thực hiện mỗi ngày mỗi khác, còn có hiện tượng nhận thức, nóng vội làm cho vấn đề trở nên phức tạp. Đảng ta đã kịp thời uốn nắn để công tác tôn giáo trở lại nền nếp, đúng hướng⁽²²⁾.

Từ những nội dung đã nêu về Giáo hội Công giáo Việt Nam, phong trào Công giáo yêu nước Việt Nam và một số quan điểm đường lối tôn giáo của Đảng có thể nêu một số vấn đề liên quan tới công tác tôn giáo trong tình hình hiện nay.

1. Thắng lợi của Cách mạng Việt Nam cùng những thay đổi theo đà phát triển đất

nước thời gian qua là yếu tố quan trọng làm thay đổi nhận thức và thúc đẩy Giáo hội Công giáo Việt Nam lựa chọn đường hướng mục vụ "Giáo hội gắn bó với dân tộc", "Sống Phúc Âm giữa lòng dân tộc".

2. Giáo hội Công giáo Việt Nam là cơ cấu tổ chức có tính đặc thù, trong phạm vi ảnh hưởng, liên hệ với Tòa thánh Vatican và cũng có mối liên hệ đặc biệt với quần chúng Công giáo trong nhiều hoạt động tôn giáo cũng như xã hội. Vì vậy, những chính sách tôn giáo cụ thể của Đảng và Nhà nước ta phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của đồng bào Công giáo sẽ có tác dụng tích cực, động viên hàng giáo phẩm, Hội đồng Giám mục Việt Nam và toàn thể người Công giáo đóng góp xây dựng xã hội mới. Trong tình hình hiện nay khi Giáo hội đã xác định đường hướng đồng hành gắn bó với dân tộc cần mở rộng phong trào thi đua yêu nước trong đồng bào Công giáo, tập hợp rộng rãi trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

3. Giáo hội Công giáo Việt Nam là cơ cấu điều hành thông qua hàng giáo sĩ uy tín tới quần chúng tín đồ. Từng cá nhân các giám mục, linh mục có phạm vi ảnh hưởng khác nhau trong cộng đồng Công giáo. Vì vậy phải chú trọng công tác tư tưởng, có chủ trương, chính sách phù hợp và cơ chế cụ thể bảo đảm cho việc thực hiện chủ trương chính sách này, để các giáo sĩ, nhất là giáo sĩ có vị trí quan trọng trong Giáo hội thể hiện trách nhiệm thực sự với Tổ quốc.

4. Hiện tại vẫn có một thực tế là các văn kiện của Hội đồng Giám mục Việt Nam, các tuyên bố, tuyên ngôn của Giáo hội đưa ra có nội dung tốt, đúng hướng,

22. Xem Nghị quyết 24/NQ-TW, 16 - 10 - 1990; Chỉ thị 37/ BCT, 2- 7 - 1998 về công tác tôn giáo trong tình hình mới.

tiến bộ, nhưng chỉ tồn tại trên văn bản. Người Công giáo ở các địa phương không được biết, không được hiểu vì có lực lượng vô hình cản trở thông tin này. Nhiều người khẳng định *Thư chung năm 1980* và mới đây là *Thư chung Hội đồng Giám mục Việt Nam 2001* với nội dung tiếp tục triển khai các quan điểm của *Thư chung 1980* đã không được triển khai đều khắp và thường xuyên trên các giáo phận, mặt khác, nhiều người vẫn có cảm tưởng rằng còn lảng vảng một "nỗ trượng chống cộng nào đó nơi một bộ phận hàng giáo sĩ và nơi một số giáo dân, kìm hãm sự dân thân phục vụ của Giáo hội trong đời sống đất nước"⁽²³⁾. Công tác tôn giáo phải chú ý tới vấn đề này.

5. Thư chung HĐGMVN các kỳ họp vừa qua, nhất là *Thư chung Đại hội Giám mục* lần thứ 7 (1998), lần thứ 8 (2001) đã nhấn mạnh đến những vấn đề về tệ nạn xã hội, nạn tham nhũng và những vấn đề xã hội bức xúc khác và đặt nhiệm vụ cho Giáo hội như một tổ chức có trách nhiệm phải tham gia tác động góp phần giải quyết. Báo cáo của đoàn Giám mục Việt Nam đi Ad Limina đầu năm 2002 vừa qua cũng nêu vấn đề này với Giáo hoàng. Trong lời huấn thị của mình, Giáo hoàng Gioan Phaolô II đã cổ vũ hoạt động xã hội của Giáo hội, nhưng nhắc nhở Giáo hội không thể đồng hoá và bị ràng buộc vào bất cứ thể chế chính trị nào⁽²⁴⁾.

6. Về vai trò của UBĐKCGVN, ngày nay Giáo hội đã có những chuyển biến với

đường hướng Giáo hội gắn bó với Dân tộc, đã tham gia vào nội dung của nhiều hoạt động xã hội, tham dự các diễn đàn quan trọng (Đại hội Mặt trận, Đại hội Đảng, các cuộc họp mặt quan trọng có tính chất quốc gia, đại biểu trong phái đoàn Việt Nam dự các diễn đàn quốc tế...) thì càng phải nâng cao vai trò và hoạt động UBĐKCG, Ủy ban tham gia tích cực, hiệu quả hơn vào nhiệm vụ phát triển đất nước.

Đánh giá đầy đủ tình hình hoạt động và chiều hướng tư tưởng Giáo hội gắn bó với Dân tộc sẽ mang đến chất liệu để đưa ra định hướng chính sách một cách toàn diện đối với các tôn giáo, đặc biệt là với Công giáo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong tình hình và bối cảnh như hiện nay thì vai trò, vị trí phong trào Công giáo yêu nước càng phải được khẳng định. Tổ chức yêu nước của người Công giáo phải được nâng cao để cùng lúc triển khai nội dung chính sách tôn trọng tự do tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước, đồng thời thực hiện đường hướng "Giáo hội gắn bó với Dân tộc"; "Sống Phúc Âm giữa lòng dân tộc để phục vụ hạnh phúc của đồng bào" của Hội đồng Giám mục Việt Nam như *Thư chung 2001* của Hội đồng Giám mục Việt Nam đã xác tín./.

23. Nguyệt san *Công giáo và Dân tộc*, tháng 5 - 2000, tr. 3, 4.

24. Xem: *Ra khơi*. ADLIMINA 2002, HĐGMVN ấn hành.